

Số: 01/2024/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của UBND Thành phố về mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BPC ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này bãi bỏ Phụ lục số 02 quy định mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết 07/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2012 về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội và thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2012 của thành phố Hà Nội và thay thế Phụ lục số 07 quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc quy định một số nội dung mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2024. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQTP;
- Các Ban của HĐND TP, Đại biểu HĐND TP;
- VP Đoàn ĐBQH& HĐND, VP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH TP;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ các Q, H, TX;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn



PHỤ LỤC I

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Quy định cụ thể

Mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

a) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

Thành phố: 30.000.000 đồng/dự thảo;

Quận, huyện, thị xã: 15.000.000 đồng/dự thảo;

Xã, thị trấn: 10.000.000 đồng/dự thảo.

b) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

Thành phố: 20.000.000 đồng/dự thảo;

Quận, huyện, thị xã: 10.000.000 đồng/dự thảo;

Xã, phường, thị trấn: 8.000.000 đồng/dự thảo.

c) Đối với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung thì mức phân bổ bằng 80% định mức phân bổ đối với dự thảo văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

4. Các nội dung khác

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này, áp dụng tối đa theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp

luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

5. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

6. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì, xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật căn cứ nhiệm vụ được giao, thực hiện Nghị quyết này và Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC để lập dự toán kinh phí.

Phụ lục này thay thế Phụ lục số 07 quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc quy định một số nội dung mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố./.

PHỤ LỤC II



Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy định tại Điều 111, Điều 113, Điều 114, Điều 128 và giúp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ được ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo Nghị quyết này) gồm:

- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

3. Nội dung chi, mức chi, kinh phí thực hiện bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
a	Chủ trì cuộc họp.	Người/buổi	150.000	
b	Các thành viên tham dự.	Người/buổi	100.000	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia.	01 văn bản	1.500.000	Văn bản được xin ý kiến
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:			
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.	01 báo cáo		
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.	01 báo cáo	7.000.000	
	- Báo cáo của các sở, ban, ngành Thành phố; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.	01 báo cáo	3.000.000	
	- Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.	01 báo cáo	1.500.000	
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.	01 báo cáo	400.000	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp).		900.000	Tính 01 lần chỉnh lý
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
6	Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ:	01 văn bản		
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật.		250.000	
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật.		500.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội:	01 văn bản		
a	Đối với văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả các Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).		300.000	
b	Đối với văn bản còn lại.		200.000	
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản:	01 văn bản		
a	Mức chi chung.		300.000	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp.		600.000	
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản:	01 văn bản		
a	Đối với văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả các Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)		350.000	
b	Đối với văn bản còn lại.		250.000	
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.	01 văn bản	150.000	
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:			
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.	01 văn bản	150.000	
b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
	Cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.			
	- Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí.	01 tài liệu (01 văn bản)		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
	- Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn.	01 tài liệu (01 văn bản)	70.000	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm ...			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.

4. Các nội dung khác

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này áp dụng tối đa theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật hiện hành.

5. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

6. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật căn cứ nhiệm vụ được giao, thực hiện Nghị quyết này và Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để lập dự toán kinh phí.

Phụ lục này bãi bỏ Phụ lục số 02 quy định mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết 07/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2012 về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội và thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2012 của thành phố Hà Nội./.